

CỰC TĂNG TRƯỞNG Ở VÙNG VEN BIỂN VIỆT NAM

Lê Văn Trường¹

TÓM TẮT

Sử dụng 5 chỉ số và phương pháp xếp thứ hạng theo chỉ số tổng hợp, tác giả đã xác định được 7 cực tăng trưởng ở vùng ven biển Việt Nam, bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Thanh Hoá và Nghệ An. Hệ thống các cực tăng trưởng ở vùng ven biển có đặc điểm đa dạng, được hình thành trên những cơ sở kinh tế rất phong phú. Hệ thống này đang trên đà phát triển khá nhanh theo hướng đa cực, quá trình phân cực bắt đầu diễn ra. Tuy nhiên, hệ thống các cực tăng trưởng này phân bố rất không đều theo lãnh thổ, phát triển chưa thật ổn định, chưa có cực tăng trưởng cấp quốc tế và tác động lan toả ra ngoài vi của các cực chưa mạnh. Đồng thời, tác giả cũng kiến nghị một số giải pháp để thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững các cực tăng trưởng ở vùng này.

Từ khóa: *Cực tăng trưởng, vùng ven biển.*

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.78.7.2025.805>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cực tăng trưởng là động lực cho nền kinh tế phát triển và được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm coi là một giải pháp quan trọng để thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội [1][5][15]. Với 3.200 km đường bờ biển và 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển [8], Việt Nam có nhiều cơ hội và thuận lợi để hình thành và phát triển các cực tăng trưởng ở dải bản lề của kinh tế đất liền, biển và hải đảo này, nhưng đến nay vẫn chưa được nghiên cứu thấu đáo. Bài báo này trình bày kết quả phân tích sự phát triển cực tăng trưởng ở vùng ven biển Việt Nam để không chỉ nhận thức sâu sắc hơn tình hình phát triển của cực tăng trưởng ở nước ta mà quan trọng hơn là tạo cơ sở khoa học cho việc thực hiện quy hoạch và hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại các cấp lãnh thổ có liên quan đến biển.

2. CHỈ SỐ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ NGUỒN DỮ LIỆU

2.1. Chỉ số nghiên cứu

Bởi cực tăng trưởng là “một tổ hợp các ngành/doanh nghiệp động lực dẫn đầu có mối quan hệ chặt chẽ, tập trung trên một lãnh thổ nhất định và có khả năng tạo động lực tăng trưởng mới và mạnh mẽ cho kinh tế của cực và các lãnh thổ khác” [6][11]. Vì vậy, để xác định và phân tích sự phát triển của cực tăng trưởng ở một lãnh thổ nào đó cần chỉ ít 5 chỉ số là quy mô (S), tốc độ tăng trưởng (GR), chỉ số phân cực (P), mật độ kinh tế (D) và ngành/doanh nghiệp động lực [11][13].

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: levantruong@hdu.edu.vn

Quy mô nền kinh tế (S) dùng để đo quy mô kinh tế của cực tăng trưởng và được tính bằng tỷ trọng (%) của GRDP cực cấp vùng trong GRDP toàn vùng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế. Chỉ số này phản ánh tốc độ tăng trưởng kinh tế của cực tăng trưởng và được đo bằng tốc độ tăng trưởng (%) hàng năm GRDP của cực.

Chỉ số phân cực (P-Polarization index) phản ánh sự lan tỏa (truyền dẫn) ảnh hưởng của cực ra các lãnh thổ xung quanh theo cường độ khác nhau. P được tính bằng tích của tỷ trọng GRDP của từng cực trong GRDP của toàn vùng nhân với tốc độ tăng trưởng GRDP của cực trong cùng thời gian.

Mật độ kinh tế (D) phản ánh mức độ tập trung, quy mô, hiệu quả hoạt động kinh tế và độ hấp dẫn kinh tế của các vùng địa lý, các cực tăng trưởng. D của mỗi cực được tính bằng GRDP/diện tích của cực và được đo bằng tỷ đồng/km².

Các ngành/doanh nghiệp động lực (động cơ) của mỗi cực tăng trưởng.

Ngành động cơ là ngành có: i) Trình độ công nghệ và chuyên môn quản lý rất tiên tiến, (ii) Độ co giãn của cầu đối với sản phẩm của mình cao theo thu nhập, (iii) Hiệu ứng số nhân cực bộ được đánh dấu và (iv) Có mối liên kết chặt chẽ với các ngành khác [4][5].

Doanh nghiệp động lực phải: i) Có quy mô tương đối lớn, ii) Có khả năng đổi mới cao, iii) Thuộc một lĩnh vực đang phát triển tương đối nhanh, iv) Chất lượng và cường độ của các mối quan hệ của nó với các lĩnh vực khác của nền kinh tế khá chặt chẽ, đủ để gây ra các tác động quan trọng được truyền từ doanh nghiệp động lực sang chúng [4][5].

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu sự phát triển của các cực tăng trưởng ở vùng ven biển Việt Nam, chúng tôi sử dụng đồng thời phương pháp định tính và phương pháp định lượng

Phương pháp định tính: xác định các ngành/doanh nghiệp động lực (động cơ) của mỗi cực tăng trưởng.

Phương pháp định lượng: Chúng tôi sử dụng 4 chỉ số để xác định cực tăng trưởng là quy mô (S), tốc độ tăng trưởng (GR), chỉ số phân cực (P), mật độ kinh tế (D). Trong đó chỉ số P là tích hợp của hai chỉ số S và GR, nên chúng tôi loại bớt trong quá trình tính toán. Phương pháp tính chỉ số HDI [9] được vận dụng để tính toán các chỉ số cá biệt và chỉ số tổng hợp của cực tăng trưởng.

Tính toán chỉ số cá biệt I_i (còn gọi là chỉ số thành phần).

Các chỉ số S, GR và D là các chỉ số cá thể và GR_{II} là chỉ số tổng hợp. Công thức tính chỉ số cá thể như sau:

$$I_i = \frac{X_i^{thực} - X_i^{min}}{X_i^{max} - X_i^{min}} \quad [9].$$

Trong đó:

I_i: Chỉ số thành phần i;

X_i^{thực}: Mức độ tuyệt đối thực đạt được của chỉ tiêu i;

X_i^{min}: Giá trị cận biên tối thiểu của chỉ tiêu i, được cố định theo từng giai đoạn;

X_i^{max}: Giá trị cận biên tối đa của chỉ tiêu i, được cố định theo từng giai đoạn.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi chọn: Về tốc độ tăng trưởng (GR), chọn $GR_{max} = 15\%$ và $GR_{min} = 1,00\%$ (GR_{min} bằng tốc độ tăng dân số của Việt Nam hiện nay, vì như vậy chỉ số GDP/người sẽ giữ nguyên); Về quy mô nền kinh tế (S), chọn $S_{max} = 20\%$ và $S_{min} = 0,1\%$ (căn cứ vào tỷ trọng thực tế của GRDP tỉnh/thành phố trong GRDP quốc gia năm 2024); Về mật độ kinh tế (D) chọn $D_{max} = 300 \text{ tỷ/km}^2$ và $D_{min} = 2,2 \text{ tỷ/km}^2$ (căn cứ vào mật độ kinh tế thực tế cao nhất và thấp nhất của Việt Nam năm 2024).

Tính toán chỉ số tổng hợp GRII: $GRII = \sqrt[3]{(I_s \times I_{gr} \times I_d)}$ [9].

Trong đó:

I_s là chỉ số quy mô nền kinh tế;

I_{gr} là chỉ số tốc độ tăng trưởng;

I_d là chỉ số mật độ kinh tế

GRII nhận giá trị trong khoảng từ 0 đến 1 ($0 \leq GRII \leq 1$). GRII đạt tối đa bằng 1, thể hiện trình độ phát triển của cực tăng trưởng đạt mức cao nhất là cực toàn cầu; GRII tối thiểu bằng 0, thể hiện lãnh thổ không phát triển và không có cực phát triển. Căn cứ giá trị GRII, chúng tôi xếp hạng trình độ phát triển của các cực tăng trưởng thành 4 nhóm: cực tăng trưởng cấp quốc tế có $GPII > 0,8000$, cực tăng trưởng cấp quốc gia có $GPII = 0,8000 - 0,5000$; cực tăng trưởng cấp vùng có $GPII = 0,4999 - 0,2000$ và cực tăng trưởng cấp tỉnh có $GPII < 0,2000$.

2.3. Dữ liệu

Nguồn dữ liệu năm 2011 được trích dẫn trong “Kinh tế - xã hội các địa phương ven biển giai đoạn 2011 - 2022” của Tổng cục Thống kê [8]; nguồn dữ liệu năm 2024 lấy từ các báo cáo tình hình kinh tế, xã hội, an ninh và quốc phòng năm 2024 của UBND 28 tỉnh, thành phố ven biển [14].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Xác định cực tăng trưởng

Sử dụng các chỉ số, phương pháp và dữ liệu đã trình bày ở trên, chúng tôi xác định các chỉ số cá thể và chỉ số tổng hợp phát triển cực tăng trưởng và thể hiện ở bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Kết quả tính toán xác định các chỉ số cá thể và chỉ số tổng hợp phát triển cực tăng trưởng ở vùng ven biển năm 2011 và 2024

TT	Tên cực Tăng trưởng	Chỉ số quy mô (S)		Chỉ số tốc độ tăng trưởng (GR)		Chỉ số mật độ kinh tế (D)		GPII và thứ bậc	
		Năm 2011	Năm 2024	Năm 2011	Năm 2024	Năm 2011	Năm 2024	Năm 2011	Năm 2024
1	Thành phố Hồ Chí Minh	0,9325	0,8037	0,4493	0,4793	0,9953	1,0000	0,7471 (1)	0,7276 (1)
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	0,4602	0,2513	0,4143	-0,1728	0,5164	0,9486	0,4617 (2)	-0,3453 (2)
3	Thành phố Hải Phòng	0,1251	0,1797	0,4828	0,6435	0,1840	0,9734	0,2231 (3)	0,4828 (3)
4	Tỉnh Quảng Ninh	0,1366	0,1523	0,6435	0,5300	0,0325	0,1806	0,1419 (5)	0,2443 (4)

5	Tỉnh Thanh Hóa	0,0848	0,1398	0,5043	0,7971	0,0107	0,0890	0,0770 (6)	0,2148 (6)
6	Tỉnh Nghệ An	0,0822	0,0937	0,5650	0,5721	0,0043	0,0369	0,0584 (7)	0,1255 (7)
7	Thành phố Đà Nẵng	0,0628	0,0633	0,7671	0,4650	0,1118	0,3881	0,1728 (4)	0,2252 (5)

(Nguồn: tác giả tính toán)

Kết quả xác định cũng trùng với kết quả xác định của Lê Văn Trường công bố trong các năm 2022 [11] và 2024 [12]. Vùng ven biển hiện tại có 7 cực tăng trưởng cấp quốc gia và cấp vùng gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng trường hợp tỉnh Nghệ An, chỉ số tổng hợp xác định cực tăng trưởng có giá trị 0,1255, nghĩa là chưa đạt tiêu chí cực tăng trưởng cấp vùng ($GPII = 0,4999 - 0,2000$) mà chỉ là cực tăng trưởng cấp vùng tiềm năng. Tuy nhiên do xét đến chiều hướng phát triển và những chính sách khuyến khích của Trung ương dành cho Nghệ An, nghiên cứu này vẫn đưa Nghệ An vào phân tích với tư cách như là một cực tăng trưởng thực thụ. Một trường hợp đặc biệt khác là cực tăng trưởng Bà Rịa - Vũng Tàu, do sản lượng dầu khí liên tục giảm, làm cho tăng trưởng GRDP hàng năm trên địa bàn giảm liên tục từ 4,45% thời kỳ 2011 - 2015, xuống - 3,22% thời kỳ 2016 - 2020 và thời kỳ 2021 - 2024 là 1,65%. Tuy nhiên các chỉ số về quy mô kinh tế, mật độ kinh tế và ngành động lực thì đạt tiêu chí cực tăng trưởng, nên chúng tôi vẫn đưa vào danh sách các cực tăng trưởng vùng ven biển để phân tích.

3.2. Đặc điểm phát triển các cực tăng trưởng

3.2.1. Đặc điểm phát triển các cực tăng trưởng

Về động thái, trong thời kỳ 2011 - 2024, Thành phố Hồ Chí Minh luôn là cực lớn nhất và là cực tăng trưởng cấp quốc gia. Bà Rịa - Vũng Tàu luôn là cực lớn thứ 2, Thành phố Hải Phòng là cực lớn thứ 3, Thanh Hóa luôn là cực lớn thứ 6, Nghệ An luôn là cực lớn thứ 7, cực tăng trưởng Đà Nẵng năm 2011 là cực lớn thứ 4 đến năm 2024 tụt xuống thứ 5 và cực tăng trưởng Quảng Ninh thì tăng từ vị trí lớn thứ 5 năm 2011 lên lớn thứ 4 vào năm 2024.

Số lượng cực tăng trưởng của vùng ven biển tăng nhanh. Năm 2011 vùng ven biển có 3 cực tăng trưởng cấp vùng và cấp quốc gia là Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hải Phòng (chiếm 50,0% số lượng cực tăng trưởng cấp quốc gia và cấp vùng của cả nước là 6 cực). Trong đó Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh là cực cấp quốc gia (có $GPII = 0,8000 - 0,4500$), Bà Rịa - Vũng Tàu và Hải Phòng là cực cấp vùng ($GPII = 0,4999 - 0,1200$). Đến năm 2024, vùng ven biển có 7 cực tăng trưởng cấp quốc gia và cấp vùng tăng thêm 4 cực tăng trưởng là Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An và Đà Nẵng, (chiếm 58,3% số lượng cực tăng trưởng cấp quốc gia và cấp vùng của cả nước là 12 cực tăng trưởng).

Bảng 2. Tốc độ tăng trưởng GRDP của các cực tăng trưởng cấp quốc gia và cấp vùng ở vùng ven biển (ĐVT: %)

Cực tăng trưởng và lãnh thổ	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tốc độ tăng hàng năm giai đoạn			
							2011-2015	2016-2020	2021-2024	2011-2024
TP Hồ Chí Minh	7,29	7,88	1,16	9,26	5,81	7,17	7,22	6,40	4,56	6,12
Bà Rịa - Vũng Tàu	1,58	5,35	-9,13	5,41	-1,02	0,7	4,46	-3,22	1,65	0,83

Hải Phòng	6,76	10,33	-7,80	12,48	10,21	10,01	7,08	13,77	11,42	10,67
Quảng Ninh	10,01	8,07	8,04	10,26	11,69	8,42	7,08	10,22	9,80	8,97
Thanh Hóa	8,06	5,42	5,06	12,04	6,93	12,16	7,52	11,15	10,22	9,57
Nghệ An	8,91	6,34	4,44	8,92	7,14	9,01	6,60	6,97	7,85	7,08
Đà Nẵng	11,74	7,84	-7,80	13,43	2,58	7,51	8,23	4,41	6,23	6,26
Cả nước	6,41	6,99	2,87	8,12	5,05	7,09	6,17	6,25	5,70	6,06
28 địa phương ven biển	6,56	7,56		9,18	5,54	7,55	6,75	5,95	5,81	6,18

Ghi chú: Các chỉ số trên đây năm 2011 - 2022 dẫn từ Kinh tế - xã hội các địa phương ven biển giai đoạn 2011-2022 [8], năm 2023 là dẫn từ Tư liệu kinh tế - xã hội 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 2019-2023 [10], năm 2024 tập hợp từ các báo cáo tình hình KTXH của các địa phương ven biển [14]. Nguồn vốn FDI dẫn từ Cục đầu tư nước ngoài qua các năm. Chỉ số PCI năm 2023 dẫn từ VCCI Việt Nam,

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các cực tăng trưởng tuy cao nhưng chưa thực sự ổn định. Hầu hết các cực tăng trưởng ở vùng ven biển đều có tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng trung bình của cả nước và của vùng ven biển (bảng 2). Riêng các năm 2019, 2020 và 2021 tốc độ tăng trưởng giảm hẳn, thậm chí có cực tăng trưởng tốc độ tăng trưởng mang giá trị âm (-) như: Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, do tác động của đại dịch Covid-19. Các cực tăng trưởng có tốc độ tăng trưởng cao và khá ổn định là Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hoá. Đây cũng là 3 cực tăng trưởng có tốc độ tăng trưởng cao nhất vùng trong giai đoạn 2011 - 2024.

Vùng ven biển có mật độ các cực tăng trưởng cao. Năm 2011, mật độ trung bình cực tăng trưởng cấp quốc gia và cấp vùng của cả nước là 0,18 cực/10.000 km² và của vùng ven biển là 0,51 cực/10.000 km². Như vậy mật độ các cực tăng trưởng ở vùng ven biển cao hơn mật độ các cực tăng trưởng của cả nước là 2,83 lần. Năm 2024, mật độ trung bình cực tăng trưởng cấp quốc gia và cấp vùng của cả nước là 0,36 cực/10.000 km² và của vùng ven biển là 0,51 cực/10.000 km². Như vậy mật độ các cực tăng trưởng ở vùng ven biển cao hơn mật độ các cực tăng trưởng của cả nước là 1,41 lần



Hình 2. Mật độ cực tăng trưởng cấp quốc gia và vùng của cả nước, vùng nội địa và vùng ven biển năm 2011 và 2024

Hệ thống các cực tăng trưởng ở vùng biển khá đa dạng. Theo quy mô, vùng ven biển có cực tăng trưởng cấp quốc gia lớn nhất đó là Thành phố Hồ Chí Minh; có 6 cực tăng trưởng cấp vùng kinh tế (Hải Phòng, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Đà Nẵng); cực tăng trưởng cấp tỉnh... Điểm yếu là vùng này chưa có cực tăng trưởng cấp khu vực ASEAN. Mặc dù Thành phố Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng lớn nhất ở nước ta. Những năm qua đã thu hút được đầu tư của nước ngoài rất lớn, có tốc độ tăng trưởng trung bình

hàng năm trong thời kỳ 2011 - 2020 là 6,56%/năm, trong khi tốc độ tăng trưởng của khu vực ASEAN chỉ gần 5,0%/năm. Tuy nhiên tỷ trọng GRDP của Thành phố Hồ Chí Minh trong GDP của khu vực ASEAN còn quá nhỏ: 0,92% năm 2011 và 1,74% năm 2022).

Theo chức năng, vùng ven biển có cực tổng hợp và cực chuyên ngành. Phần lớn các cực cấp quốc gia và cực cấp vùng đều là cực tổng hợp. Tuy nhiên ở cấp thấp hơn, phần lớn các tỉnh đều có cực chuyên ngành. Tỉnh Thanh Hóa có cực tổng hợp là thành phố Thanh Hóa; cực công nghiệp là thị xã Nghi Sơn và thị xã Bỉm Sơn; cực du lịch là thành phố Sầm Sơn. Tỉnh Quảng Ninh có thành phố Hạ Long là cực tổng hợp, cực Đông Triều là cực khai thác than và sản xuất điện, cực Móng Cái là cực cửa khẩu, Vân Đồn là cực công nghiệp giải trí cao cấp, du lịch.

Hiện nay đang diễn ra sự phân công giữa các cực. Có cực trung tâm, cực đối trọng và cực vệ tinh. Tỉnh Nam Định có cực trung tâm là vùng đô thị thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc; cực đối trọng là khu vực các đô thị: Cao Bồ, Rạng Đông, Đại Đồng - Giao Thủy; các cực vệ tinh là các thị trấn Liễu Đề, Ninh Cường, Cát Thành, Yên Định, Quất Lâm, Xuân Trường, Xuân Ninh. Tỉnh Hà Tĩnh có cực trung tâm là thành phố Hà Tĩnh, cực đối trọng là thành phố Kỳ Anh và cực vệ tinh là thị xã Hồng Lĩnh. Tỉnh Thanh Hóa có cực trung tâm là thành phố Thanh Hóa; cực đối trọng là thị xã Nghi Sơn và các cực vệ tinh là thành phố Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn và thị trấn Lam Sơn.

Quá trình phân cực diễn ra khá mạnh. Gần Thành phố Hồ Chí Minh có 03 cực tăng trưởng cấp vùng là tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; một số cực cấp tỉnh là thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Thuận An, thành phố Tân Uyên, thành phố Dĩ An, thị xã Bến Cát, thành phố Đồng Xoài, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh. Xung quanh cực tăng trưởng Hải Phòng đã và đang hình thành các cực vệ tinh là thị trấn Cát Bà, thị trấn Núi Đèo, thị trấn Minh Đức, thị trấn An Lão, thị trấn Tiên Lãng, thị trấn Núi Đồi, thị trấn Trường Sơn và thị trấn An Dương.

Các cực tăng trưởng ở vùng ven biển được hình thành và phát triển trên những cơ sở kinh tế xã hội rất khác nhau. Phần lớn cực tăng trưởng ở nước ta được hình thành và phát triển trên cơ sở các đô thị. Thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành cực tăng trưởng cấp quốc gia; các thành phố: Đà Nẵng, Hải Phòng đã trở thành cực tăng trưởng cấp vùng; các thành phố: Vinh, Thanh Hóa, Vĩnh Long đã trở thành cực cấp tỉnh.

Bảng 3. Tổng hợp kết quả phân loại các cực tăng trưởng cấp quốc gia và cấp vùng ở vùng ven biển Việt Nam

Tên cực tăng trưởng	Quảng Ninh	Hải Phòng	Thanh Hoá	Nghệ An	Đà Nẵng	TP Hồ Chí Minh	Bà Rịa - Vũng Tàu
Tiêu chí phân loại							
Quy mô (Quốc gia - QG, Vùng - V)	V	V	V	V	V	QG	V
Chức năng (Tổng hợp - TH, Chuyên ngành - CN)	TH	CN	CN	CN	TH	TH	CN
Giai đoạn phát triển: 1 (tập trung tại một trung tâm duy nhất); 2 (tập trung khuếch tán tại nhiều trung tâm); 3 (khuếch tán ra ngoại vi)	2	2	1	1	1	3	2

(Nguồn: Tác giả)

Một số cực tăng trưởng cấp tỉnh được hình thành trên cơ sở các KKT ven biển, như các cực tăng trưởng Vân Đồn (Quảng Ninh), Nghi Sơn (Thanh Hóa), Chu Lai (Quảng Ngãi), Nhơn Hội (Bình Định), Văn Phong (Khánh Hòa), Phú Quốc (Kiên Giang)...

Một số cực tăng trưởng hình thành trên cơ sở các cảng, như cảng Hải Phòng và cảng Bà Rịa - Vũng Tàu là hạt nhân để hình thành cực tăng trưởng cấp vùng; các cảng Nghi Sơn, Vũng Áng, Cửa Lò, Cảng Chân Mây... đã trở thành cực tăng trưởng cấp tỉnh và cấp thấp hơn.

Một số cực tăng trưởng hình thành trên cơ sở các khu, điểm du lịch như cực tăng trưởng cấp tỉnh như: Phú Quốc, Hội An, Hạ Long, Cửa Lò, Sầm Sơn, Sa Pa, Nha Trang, Côn Đảo.

Khá nhiều các cơ sở công nghiệp chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản là nhân tố hình thành các cực tăng trưởng cấp tỉnh và cấp thấp hơn. Có thể kể tới các cực sản xuất chế biến hải sản ở nhiều tỉnh, cực sản xuất đường mía ở Lam Sơn (Thanh Hóa), Quảng Ngãi, Sông Lam (Nghệ An); các cực sản xuất gạo, trái cây và thủy sản ở các tỉnh ven biển đồng bằng Sông Cửu Long...

Một số cực tăng trưởng được hình thành trên cơ sở khai thác và chế biến những tài nguyên chiến lược. Điển hình như việc khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía nam đã góp phần hình thành cực tăng trưởng cấp vùng kinh tế là Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhờ khai thác dầu khí mà năm 2011, GRDP của tỉnh này đã chiếm tới 9,28% GDP của cả nước [9; tr.106]. Việc khai thác than ở Quảng Ninh là cơ sở để hình thành các cực tăng trưởng cấp tỉnh như Cẩm Phả, Đông Triều, Uông Bí...

4. KẾT LUẬN

Vùng ven biển có hệ thống cực tăng trưởng đa dạng, được hình thành trên những cơ sở kinh tế rất phong phú. Hệ thống này đang trên đà phát triển khá nhanh theo hướng đa cực, quá trình phân cực bắt đầu diễn ra. Tuy nhiên hệ thống các cực tăng trưởng này phân bố rất không đều theo lãnh thổ, phát triển chưa thật ổn định, chưa có cực tăng trưởng cấp quốc tế và tác động lan toả ra ngoại vi của các cực chưa mạnh.

Để thúc đẩy sự phát triển của hệ thống các cực tăng trưởng ở vùng ven biển cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, tập trung làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống và thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới; Huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững biển, xây dựng các tập đoàn kinh tế biển mạnh; Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các địa phương ven biển; Phát triển khoa học, công nghệ và tăng cường điều tra cơ bản biển; Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho các địa phương ven biển; Tiếp tục hoàn thiện thể chế là “đột phá của đột phá” và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số; Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; Nghiên cứu đề xuất các giải pháp riêng phát triển từng cực tăng trưởng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Andray Kobayashi, Editor in Chief (2020), *International Encyclopedia of Human Geography*, 2nd edition, (6):281-286, <https://doi.org/10.1016/B978-0-08-102295-5.10077-0281>.

- [2] Ban chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 36/2018/NQ-TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Về chiến lược phát triển tế biển Việt nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- [3] Chính phủ (2023), *Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Được hoàn thiện theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội)*.
- [4] D.F. Darwent (1969), *Growth poles and growth centers in regional planning - a review*, Environment and Planning, (1):5-32.
- [5] John B. Parr (1999), *Growth-pole Strategies in Regional Economic Planning: A Retrospective View*, Part 1. Origins and Advocacy, Urban Stud, (36):1195, DOI: 10.1080/0042098993187.
- [6] Perroux, F. (1964), *L'Economie du XXème Siècle*, Presses Universitaires de France.
- [7] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2024), *Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- [8] Tổng cục Thống kê (2023), *Kinh tế - xã hội các địa phương ven biển giai đoạn 2011 - 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
- [9] Tổng cục Thống kê (2021), *Báo cáo chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020*.
- [10] Tổng cục Thống kê (2024), *Tư liệu kinh tế - xã hội 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 2019 - 2023*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
- [11] Lê Văn Trường (2022), *Xác định các cực tăng trưởng ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học địa lí toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, (1):338-345.
- [12] Lê Văn Trường, Nguyễn Quang Vinh (2024), *Đặc điểm phát triển cực tăng trưởng ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học địa lí toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Thanh niên, Quyển (1):483-492.
- [13] Le Van Truong (2024), *Establish a set of criteria to evaluate a the development of provincial growth poles*, Journal of Science HDU, (E9):132 -142.
- [14] UBND 28 tỉnh, thành phố ven biển, *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội các năm 2023 và 2024*.
- [15] WB (2011), *Global Development Horizons 2011: Multipolarity - The New Global Economy*, Washington, D.C.

GROWTH POLES IN VIETNAM COASTAL AREAS OF VIETNAM

Le Van Truong

ABSTRACT

Using 5 indicators and the ranking method according to the composite index, the author has identified 7 growth poles in coastal areas of Vietnam, including: Ho Chi Minh

City, Hai Phong, Ba Ria-Vung Tau, Quang Ninh, Da Nang, Thanh Hoa and Nghe An. The system of growth poles in coastal areas has diverse characteristics, formed on very rich economic foundations. This system is developing quite rapidly in a multipolar direction, the polarization process has begun to take place. However, the system of growth poles is very unevenly distributed across the territory, the development is not really stable, there is no international growth pole and the spillover effects of the poles are not strong. At the same time, the author also recommends a number of solutions to promote the rapid and sustainable development of growth poles in this area.

Keywords: *Growth pole, coastal areas.*

** Ngày nộp bài: 4/3/2025; Ngày gửi phản biện: 19/3/2025; Ngày duyệt đăng: 30/7/2025*

** Tác giả chân thành cảm ơn sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi từ các cơ quan tổ chức và các cá nhân liên quan trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu, từ tháng 02 năm 2024 đến tháng 02 năm 2025.*